

PHÂN TÍCH HIỆN TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG Ở RỪNG TRÀM TRÀ SƯ, TỈNH AN GIANG

Nguyễn Võ Châu Ngân¹, Lê Văn Dữ¹, Kim Lavane^{1,*}

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm phát triển du lịch sinh thái bền vững tại khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư, tỉnh An Giang. Để có cái nhìn tổng quan về hiện trạng kinh tế - xã hội của địa phương, đã phỏng vấn 60 hộ dân, đại diện Ban quản lý rừng tràm Trà Sư và 8 công ty du lịch lữ hành. Các thông tin ghi nhận được phân tích bằng công cụ SWOT để xây dựng kế hoạch mở rộng và phát triển du lịch sinh thái bền vững dựa vào nguồn tài nguyên môi trường và văn hóa bản địa cho rừng tràm Trà Sư. Kết quả ghi nhận rừng tràm Trà Sư có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái dựa trên lợi thế sinh cảnh rừng tràm và hệ động - thực vật đa dạng của vùng đất ngập nước, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Cộng đồng dân cư bản địa sẵn sàng tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch thông qua đóng góp nguồn lực lao động, tạo ra sản phẩm du lịch truyền thống địa phương, tuy nhiên cần tăng cường tập huấn nâng cao nhận thức và hiểu biết về các hoạt động, mục tiêu phát triển du lịch sinh thái. Từ kết quả phân tích SWOT, căn cứ vào các yếu tố tài nguyên môi trường, văn hóa, xã hội của khu vực, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững ở rừng tràm Trà Sư.

Từ khóa: Du lịch sinh thái, khu bảo vệ cảnh quan rừng tràm Trà Sư, phát triển bền vững.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

An Giang là tỉnh biên giới giáp Campuchia, có đặc điểm địa hình khác biệt với các tỉnh thành khác ở ĐBSCL vừa có vùng đồng bằng phù sa ngập lũ theo mùa vừa có dãy núi Thất Sơn trải dài hình thành nhiều cảnh quan thiên nhiên đặc sắc. Đây là lợi thế của tỉnh để phát triển đa dạng hóa các loại hình du lịch từ du lịch sinh thái (DLST) nông nghiệp và sông nước, lễ hội văn hóa tâm linh, mua sắm, di tích cách mạng, lịch sử... Khu bảo vệ cảnh quan (KBVCQ) rừng tràm Trà Sư, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang có diện tích khoảng 845 ha, là nơi tập trung sinh sống của 140 loài thực vật, 11 loài thú rừng, 70 loài chim và các loài thủy sản có giá trị [1]. KBVCQ rừng tràm Trà Sư khai thác du lịch dựa trên nhiều lợi thế gồm cảnh quan rừng tràm trải dài, dịch vụ thắp quan

sát chim, bơi xuồng trên trảng nước, ẩm thực với sản vật địa phương... Tuy nhiên, hoạt động DLST có mối quan hệ qua lại mật thiết với môi trường, nếu không biết khai thác tiềm năng DLST một cách hợp lý sẽ làm suy giảm chất lượng môi trường và ảnh hưởng tới nền tảng phát triển du lịch bền vững.

Tại Việt Nam đã có một số nghiên cứu các giải pháp phát triển DLST cho một số địa phương tiềm năng. Nghiên cứu của Trương Thu Hiền (2012) đã đánh giá tiềm năng, hiện trạng và đề xuất một số định hướng, giải pháp nhằm phát triển DLST tại Mầu Sơn, tỉnh Lạng Sơn [2]. Tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên hồ Kè Gỗ, tiềm năng DLST đã được nghiên cứu dựa trên các tiêu chí: tính hấp dẫn, sức chứa du lịch, tính bền vững, tính thời vụ và tính an toàn [3]. Để phát triển DLST bền vững tại Vườn Quốc gia Ba Vì, Bùi Thị Minh Nguyệt (2012) tiến hành đánh giá thực trạng DLST, đề xuất các giải pháp phát triển bền vững DLST [4]. Nghiên cứu

¹ Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

*Email: klavane@ctu.edu.vn

này được thực hiện nhằm tìm hiểu và định hướng phát triển DLST bền vững cho KBVCQ rừng trà Trà Sư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của địa phương.

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập thông tin

Tiến hành thu thập thông tin, tư liệu từ nhiều nguồn, nhiều lĩnh vực khác nhau để đảm bảo khối lượng thông tin đầy đủ, chính xác đáp ứng cho phân tích quy hoạch phát triển KT-XH địa phương trong định hướng du lịch.

- Thu thập số liệu thứ cấp: các kế hoạch, dự án phát triển DLST tại KBVCQ rừng trà Trà Sư, các báo cáo khoa học, sách, tranh ảnh, bản đồ, văn bản pháp luật... có liên quan đến nghiên cứu.

- Thu thập số liệu sơ cấp:

+ Phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi với 60 hộ dân sinh sống lân cận KBVCQ rừng trà Trà Sư về các thông tin liên quan đến hiện trạng và kế hoạch phát triển KT-XH, khả năng hợp tác, phối hợp của cộng đồng để phát triển DLST trên địa bàn nghiên cứu.

+ Trao đổi trực tiếp với đại diện Ban quản lý (BQL) KBVCQ rừng trà Trà Sư về hiện trạng và tiềm năng khai thác DLST, trong đó nhấn mạnh đến vai trò các bên liên quan trong phát triển DLST.

+ Thu thập ý kiến của 8 công ty du lịch gồm 4 công ty tại tỉnh An Giang và 4 công ty tại thành phố Cần Thơ để tìm hiểu quan điểm của các công ty về hiện trạng phát triển du lịch tại KBVCQ rừng trà Trà Sư. Những đại diện trả lời phỏng vấn là nhân viên kinh doanh (3 công ty), chủ doanh nghiệp (1 công ty) và hướng dẫn viên du lịch (4 công ty).

2.2. Phương pháp phân tích SWOT

Nghiên cứu áp dụng công cụ SWOT để phân tích các thông tin thu thập được về hiện trạng KT-XH, nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa bản

địa; hoạt động kinh doanh du lịch tại KBVCQ rừng trà Trà Sư.

Kết quả ghi nhận từ phân tích SWOT là cơ sở để xây dựng kế hoạch mở rộng và phát triển DLST bền vững dựa vào nguồn tài nguyên môi trường và văn hóa bản địa ở KBVCQ rừng trà Trà Sư.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tiềm năng hợp tác của người dân trong phát triển DLST ở KBVCQ rừng trà Trà Sư

3.1.1. Thông tin chung của hộ dân được phỏng vấn

Độ tuổi của người dân trả lời phỏng vấn phân bố trong khoảng từ 20 đến 80 tuổi. Cụ thể, có 2 người ở độ tuổi từ 20 - 25 tuổi (chiếm tỷ lệ 3,3%), 18 người ở độ tuổi 26 - 39 tuổi (chiếm 30%), 19 người ở độ tuổi 40 - 55 tuổi (chiếm 31,7%) và 21 người lớn hơn 55 tuổi (chiếm 35%).

Trình độ học vấn của người dân trả lời phỏng vấn còn thấp. Đa phần chỉ học tới tiểu học, chiếm 43,33%; có 15 người trình độ THCS, chiếm 25%; 6 người trình độ THPT, chiếm 10% và 1 người trình độ cao đẳng, chiếm 1,67%. Bên cạnh đó, có 12 người không đi học, chiếm tỷ lệ 20%.

Thu nhập của người dân không phải từ du lịch mà chủ yếu từ làm thuê tại địa phương, gồm 23 hộ (chiếm 38,33%), 10 hộ dân buôn bán nhỏ (chiếm 16,67%), 8 hộ dân có thu nhập chính từ canh tác nông nghiệp (chiếm 13,33%), chỉ duy nhất 1 hộ kinh doanh và 1 hộ làm nhân viên công ty (chiếm 1,67%). Kết quả khảo sát cũng ghi nhận số hộ thất nghiệp chiếm khá cao, đến 17 hộ (28,33%).

Theo khảo sát chỉ có 3/60 hộ dân không có người phụ thuộc, còn lại 57 hộ dân có thành viên phụ thuộc, dao động từ 1 đến 5 thành viên. Cụ thể, 28 hộ dân có 2 thành viên phụ thuộc chiếm tỷ lệ cao nhất 46,7%, 12 hộ có 3 thành viên phụ thuộc (chiếm 20%), 9 hộ có 1 thành viên phụ thuộc (chiếm 15%), còn lại 4 và 5 thành viên phụ thuộc chiếm ngang nhau, gồm 4 hộ (chiếm 6,7%). Đa số nghề nghiệp của người dân trong vùng là làm thuê nên đời sống gặp nhiều khó khăn, thu nhập thấp, nhiều gia đình có thành viên thất nghiệp và phải phụ thuộc vào người lao động chính.

Hầu hết người dân trả lời phỏng vấn cho rằng việc canh tác của mình không ảnh hưởng đến công tác bảo tồn của rừng trà Trà Sư và ngược lại. Một số hộ dân cho rằng, đa số đất canh tác ở xa rừng trà, việc canh tác lúa ở đây ít sử dụng hóa chất và nếu có đốt đồng thì người dân thông báo trước với kiểm lâm để có cán bộ hỗ trợ và kiểm soát nên nhìn chung hoạt động canh tác không ảnh hưởng đến rừng trà. Tuy nhiên, có 1 hộ dân cho rằng chuột, cò từ rừng trà gây hại lúa, ảnh hưởng đến năng suất lúa thu hoạch. Hầu hết người dân nhận xét rằng rừng trà Trà Sư không mang lại lợi ích về tôm, cá, về các sản vật từ rừng cũng như không điều tiết nước trong mùa khô cho người dân. Điều này cho thấy, công tác bảo tồn rừng trà Trà Sư không tác động đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, nhưng có ảnh hưởng đến thu nhập của người dân sinh sống quanh rừng.

3.1.2. Nhận thức, hiểu biết về hoạt động DLST của hộ dân

Khảo sát sự hiểu biết về DLST của 60 hộ dân cho thấy, người dân đã nghe thông tin về DLST với 42 hộ (chiếm tỷ lệ 70%), 18 hộ (chiếm 30%) chưa nghe thông tin về DLST. Nhóm biết đến thông tin về DLST tiếp nhận từ nhiều nguồn khác nhau, phần lớn là nghe qua ti vi chiếm 58,33%; 28,33% từ bạn bè, người thân, láng giềng; các chương trình tại địa phương, đài phát thanh chiếm 11,67%; các nguồn thông tin khác như báo chí, trang mạng chiếm 13,64%. Có thể thấy rằng, nguồn thông tin từ ti vi để người dân biết về DLST chiếm tỷ lệ cao nhất nên cần được chú ý khai thác cho các hoạt động truyền thông cộng đồng.

Trong số 42 người biết đến thông tin về DLST có 27 người (chiếm 35,7%) hiểu về các hoạt động DLST, còn lại 15 người (chiếm 64,3%) không hiểu DLST là như thế nào. Người dân chủ yếu biết được DLST là du lịch ở môi trường tự nhiên, sạch sẽ, có chim cò, gần gũi với thiên nhiên và không khí mát mẻ; con người không được đánh bắt, không sử dụng lửa trái phép; DLST giúp bảo vệ cuộc sống tự nhiên. Như vậy, người dân có biết về DLST nhưng

chưa nắm rõ từng hoạt động của định hướng du lịch này, điều này có thể ảnh hưởng đến quyết định hợp tác của cộng đồng dân cư với BQL rừng trà Trà Sư trong triển khai các hoạt động dịch vụ du lịch.

Trong nhóm người dân có nắm bắt thông tin về DLST, số người nghĩ rằng việc phát triển DLST góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên chỉ ở mức trung bình đạt 12 người (chiếm 44,4%), còn lại 11 người (chiếm 40,7%) nghĩ ngược lại và có 4 người không ý kiến (chiếm 14,8%). Kết quả khảo sát này cho thấy nhận thức về DLST của người dân nơi đây chưa cao, vì vậy cần có nhiều chương trình truyền thông giới thiệu về DLST để nâng cao kiến thức cho người dân.

3.1.3. Ý kiến cộng đồng về việc tham gia DLST

Đối với tình huống: “Giả sử KBVCQ rừng trà Trà Sư phát triển DLST cộng đồng, người dân có thể tham gia các hoạt động phục vụ khách du lịch như buôn bán, ăn uống, nhà ở sinh thái, chở khách tham quan cảnh quan rừng... không?”. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn hộ dân mong muốn tham gia hoạt động phục vụ DLST (48 hộ, chiếm 80%) để tăng thu nhập, cải thiện kinh tế gia đình và quảng bá hình ảnh DLST của rừng trà Trà Sư. Tuy nhiên những dịch vụ mà người dân đề xuất tham gia là chở khách tham quan rừng và dịch vụ ăn uống, hai hoạt động này chiếm tỷ lệ tương đương nhau với 26 hộ (chiếm 43,3%). Chỉ có 01 hộ dân đề xuất tham gia dịch vụ homestay và 01 hộ đề xuất buôn bán sản phẩm quà lưu niệm (chiếm 1,67%). Các hoạt động phục vụ DLST rất đa dạng nhưng do người dân chưa có hiểu biết đầy đủ và thiếu cơ sở vật chất nên các dịch vụ đề xuất còn khiêm tốn.

Mong muốn của người dân khi tham gia DLST là nhận được sự hỗ trợ từ địa phương do đa số hộ đều làm thuê. Trong số 48 hộ dân muốn tham gia, có 45 hộ cần hỗ trợ và 3 hộ không cần hỗ trợ. Phần lớn người dân cần hỗ trợ vốn (61,67%), 20% cần được tập huấn về lợi ích, trách nhiệm với DLST, tỷ lệ cần được đào tạo bồi dưỡng kỹ năng về DLST

cũng khá cao (40%). Đặc biệt có 9 hộ dân (chiếm 15%) muốn học cách tiếp cận với du khách nước ngoài. Điều này cho thấy tiềm năng về nguồn nhân lực bản địa sẵn sàng tham gia dịch vụ DLST rừng.

3.2. Hiệu quả KT-XH từ việc khai thác tiềm năng DLST bền vững ở Trà Sư

3.2.1. Kết quả phỏng vấn ban lãnh đạo KBVCQ rừng tràm Trà Sư

Với giá trị về đa dạng sinh học cao, KBVCQ rừng tràm Trà Sư được xem là vùng đất ngập nước quan trọng của tỉnh An Giang. Tuy nhiên do địa hình rừng cao nên phải điều tiết nước để phòng, chống cháy rừng, đồng thời duy trì mực nước trong rừng phù hợp để phục vụ du khách di chuyển bằng xuồng. Dịch vụ tham quan bằng xuồng trong rừng được hầu hết các du khách lựa chọn tạo nguồn thu nhập cho nhân viên và công ăn việc làm cho nhiều người dân địa phương.

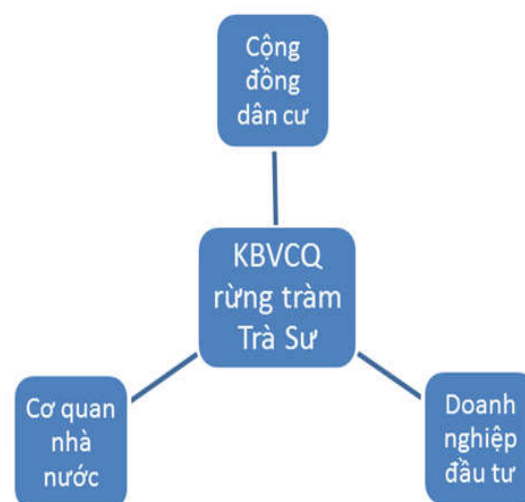
Về giá trị KT-XH, KBVCQ rừng tràm Trà Sư không chỉ tạo điều kiện cho lao động địa phương mà còn dân cư vùng lân cận cũng có thu nhập qua các sản phẩm đặc trưng của địa phương. Các dịch vụ du lịch đã thúc đẩy phát triển kinh tế của người dân tại xã Văn Giáo, góp phần giải quyết việc làm, tăng thêm nguồn tiêu thụ cho sản phẩm làm ra, phát huy được giá trị của các làng nghề, giao thoa văn hóa các dân tộc Kinh, Hoa và Khmer. Tuy nhiên, cũng tồn tại những khó khăn trong công tác đào tạo nghiệp vụ du lịch cho nguồn nhân lực tại địa phương do trình độ học vấn người dân còn hạn chế.

Về tài nguyên môi trường, KBVCQ rừng tràm Trà Sư có các hoạt động để duy trì các hệ sinh thái trọng yếu cho phát triển DLST như sinh cảnh rừng tràm, các trảng nước, trảng cỏ tự nhiên; duy trì lượng nước cần thiết vào mùa khô để đảm bảo quá trình phát triển tự nhiên của cây tràm và các loại động thực vật liên quan.

DLST bền vững cần phải có sự hợp nhất giữa các hoạt động thân thiện với môi trường, gắn gũi về xã hội, văn hóa và có hiệu quả kinh tế. BQL KBVCQ rừng tràm Trà Sư cho rằng để đảm bảo sự phát triển bền vững cần xây dựng chiến lược phát triển DLST gắn với lợi ích cộng đồng, hình thành

tam giác lợi ích đảm bảo tính bền vững, gắn chặt lợi ích của Nhà nước với lợi ích của nhà đầu tư và lợi ích cộng đồng. Sự gắn kết này là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở khai thác hợp lý các thế mạnh tiềm năng của KBVCQ rừng tràm Trà Sư nói riêng và khu vực nói chung.

Tất cả các công ty du lịch được phỏng vấn đều rất quan tâm và đã tìm hiểu rất rõ về DLST nói chung và KBVCQ rừng tràm Trà Sư nói riêng. Hiện tại, các doanh nghiệp khi đưa khách du lịch đến tham quan KBVCQ rừng tràm Trà Sư sẽ được ưu đãi giá hơn so với các nhóm khách lẻ. Mặc dù vậy, hoạt động đưa khách du lịch đến tham quan KBVCQ rừng tràm Trà Sư của các công ty còn đơn phương, chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa BQL rừng và doanh nghiệp.



Hình 1. Sơ đồ chiến lược phát triển DLST bền vững của KBVCQ rừng tràm Trà Sư

3.2.2. Kết quả khảo sát ý kiến các doanh nghiệp, công ty du lịch

Đa phần các công ty lữ hành được phỏng vấn có thành phần khách du lịch chủ yếu đến từ nước ngoài (5/8 công ty). Khách du lịch quốc tế thường đến từ Trung Quốc, Anh, Pháp, Ý, Đức và Hà Lan. Nhóm khách từ các nước châu Á đến rải rác vào các tháng trong năm, trong khi nhóm khách từ các nước Tây Âu tập trung vào các tháng cuối năm (bắt đầu từ tháng 9) vì đây là thời gian họ có nhiều ngày nghỉ lễ nhất trong năm. Bên cạnh đó, từ khi Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 18/6/2015 về việc miễn thị thực đối với công dân các nước Anh,

Pháp, Đức, Tây Ban Nha và Ý [5] có hiệu lực thì số lượng khách du lịch quốc tế ngày càng tăng. Đối với nhóm du khách quốc tế, thường các công ty sẽ chủ động giới thiệu và định hướng cho khách đến tham quan KBVCQ rừng trà Trà Sư trong hầu hết các chuyến đến tỉnh An Giang theo hình thức tour trọn gói.

Đối với những đoàn khách trong nước chủ yếu là khách du lịch ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số thành phố khác ngoài vùng ĐBSCL kết hợp với đi du lịch. Khách du lịch trong nước thường chủ động kiến nghị những địa điểm du lịch họ muốn tham quan, công ty du lịch sẽ tư vấn về lịch trình, phương tiện vận chuyển và báo giá cho khách. Khi tổ chức một chương trình du lịch tại An Giang có điểm đến là rừng trà Trà Sư thì lịch trình phổ biến nhất mà các công ty áp dụng sẽ là Núi Sam - Trà Sư - Núi Cấm (8/8 công ty được phỏng vấn đã và đang thực hiện). Bên cạnh đó cũng còn một số điểm du lịch khác như làng bè Châu Đốc, chợ Tịnh Biên, đồi Túc Dụ, núi Tà Pạ... tùy vào yêu cầu và thời gian cho phép của khách hàng.

Theo ý kiến của các công ty du lịch, những sản phẩm du lịch mà KBVCQ rừng trà Trà Sư cần bổ sung là thêm một số hoạt động vui chơi cho du khách như câu cá giải trí, bán hàng lưu niệm,

gian trưng bày và thuyết minh về rừng trà. Đa số công ty du lịch cho rằng không cần thêm dịch vụ homestay (6/8 công ty) và cơ sở ăn uống (8/8 công ty) vì thường du khách chỉ ghé tham quan rừng trà Trà Sư trong ngày chủ yếu là thưởng ngoạn cảnh quan, sau đó sẽ di chuyển tiếp đến các điểm du lịch khác. Chỉ có 2 đại diện công ty cho rằng nên bổ sung dịch vụ homestay để phục vụ những khách du lịch muốn tham quan Trà Sư vào sáng sớm và khung cảnh yên tĩnh thích hợp cho nghỉ dưỡng.

Về chất lượng các tuyến giao thông đường bộ, đại diện các công ty cho rằng nên nâng cấp để phòng trơn trượt vào mùa mưa... Ngoài ra, BQL rừng cần có những chính sách định hướng phát triển bền vững, duy trì hệ sinh thái đa dạng và cảnh quan tại rừng trà, góp phần tạo nên những chương trình du lịch thật sự chất lượng để luôn làm hài lòng du khách đến tham quan.

3.3. Phân tích SWOT về hoạt động DLST tại KBVCQ rừng trà Trà Sư

3.3.1. Kết quả phân tích SWOT

Bảng 1 là kết quả phân tích SWOT được thực hiện trên cơ sở phân tích các thông tin thu thập được về hiện trạng nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa - xã hội; hoạt động kinh doanh du lịch tại KBVCQ rừng trà Trà Sư.

Bảng 1. Kết quả phân tích SWOT về hiện trạng DLST tại KBVCQ rừng trà Trà Sư

Điểm mạnh (Strength)	Điểm yếu (Weaknesses)
Có tuyến giao thông thuận tiện và vị trí thuận lợi do nằm trên trục du lịch Lâm viên Núi Cấm, số lượng khách du lịch tham quan cao. KBVCQ rừng trà Trà Sư có tính đa dạng sinh học cao, là nơi có tầm quan trọng trong bảo tồn đất ngập nước tại ĐBSCL. Sức hấp dẫn đối với nhiều khách du lịch trong những lần tham quan trước là rất lớn, họ quay trở lại với mong muốn thưởng thức cảnh đẹp vốn có của Trà Sư. KBVCQ rừng trà Trà Sư đáp ứng đa dạng các mục đích du lịch của du khách (ẩm thực, thưởng ngoạn cảnh quan, nghiên cứu, khám phá...) Trà Sư thu hút được nhiều thành phần xã hội với các nghề nghiệp khác nhau. Đa số khách du lịch trong nước đến tham quan có trình độ học vấn cao (60%)	Hoạt động tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của rừng trà Trà Sư chưa thật sự hiệu quả. Các món ăn phục vụ chưa đa dạng. Nhân viên tại Trà Sư chưa được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ. Vẫn còn rác ở một số địa điểm ăn uống, thậm chí một số du khách hút thuốc trong rừng, gia tăng ô nhiễm và nguy cơ cháy rừng. Chưa có tài liệu hướng dẫn về rừng trà Trà Sư, thiếu thông tin về các tuyến du lịch trong rừng trà. Các nhà hàng, lều, tum còn đơn sơ và chưa bắt mắt. Cách thiết kế và bố trí nhà vệ sinh còn sơ sài, chưa có chỉ dẫn để tạo thuận tiện cho khách du lịch khi họ có nhu cầu sử dụng. Sử dụng thuyền máy gây tiếng ồn không phù

Người dân thân thiện, hiền hòa, mến khách Chất lượng các món ăn phục vụ khá tốt. Có một số sản vật từ cây thốt nốt và mật ong thiên nhiên. Môi trường chưa bị ô nhiễm. Giá vé hợp lý. Các lều, tum được thiết kế dựa vào những vật liệu tự nhiên như gỗ, tre... Các tuyến đường nội bộ đơn giản, tự nhiên, ít bê tông hóa, thân thiện với môi trường. Đa số khách du lịch hài lòng với phương tiện xuống đưa khách đi tham quan bởi sự yên tĩnh, do đó khách du lịch có thể trải mình với thiên nhiên. Chính sách ưu đãi cho công ty du lịch thông qua vé tham quan đoàn rẻ hơn khách lẻ. Số lượng khách du lịch đến Trà Sư không ngừng gia tăng.	hợp khi thưởng thức khung cảnh hoang sơ và yên bình tại Trà Sư, ngoài ra tiếng ồn còn phá vỡ không gian yên tĩnh nơi các loài chim trú ngụ. Vườn thú còn đơn giản, diện tích chuồng nhỏ, gây tù túng cho các loài động vật nuôi. Chưa có chính sách liên kết lâu dài với các công ty du lịch, các công ty chỉ đơn phương dẫn khách đến tham quan. Hoạt động du lịch diễn ra suốt 12 tháng trong năm, không có thời gian nghỉ để thực hiện các công tác bảo tồn. Chưa chú trọng đến các chính sách điều tiết khách du lịch cho phù hợp với thời điểm. Đoạn tham quan đường thủy được đánh giá là quá ngắn (~ 3 km); các loại hình du lịch còn đơn điệu, chưa phong phú để du khách thỏa mãn hơn nhu cầu tham quan, giải trí tương xứng với số tiền họ bỏ ra.
Cơ hội (Opportunities)	Thách thức (Threats)
Tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động địa phương. Lưu truyền nét văn hóa đặc sắc của địa phương và học hỏi những nét văn hóa mới. Tăng nguồn tiêu thụ các mặt hàng chủ lực ở địa phương (đường thốt nốt, đồ gỗ, dệt thổ cẩm của đồng bào dân tộc Khmer). KBVCQ rừng tràm Trà Sư được giao khoán và đóng góp ngân sách cho tỉnh. Khách du lịch của các nước ASEAN được tự do đi lại, tạo cơ hội gia tăng luồng khách từ các thị trường châu Á đến Trà Sư. DLST tại KBVCQ rừng tràm Trà Sư là loại hình được nhiều khách quốc tế ưa chuộng. Tất cả các công ty được phỏng vấn đều rất quan tâm, tìm hiểu rất rõ về KBVCQ rừng tràm Trà Sư và có thành phần khách du lịch chủ yếu đến từ quốc tế. Công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ các di sản văn hóa được Chính phủ quan tâm. An Giang thuộc cụm du lịch trung tâm (Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Hậu Giang) của Hiệp hội Du lịch ĐBSCL. Du lịch là một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam. Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 phê duyệt danh mục bảo tồn đa dạng sinh học đất	Văn Giáo là một xã nghèo, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, trình độ học vấn của người dân so với mặt bằng chung còn thấp => khó khăn trong công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho nguồn lực tại địa phương. Sự hình thành của cộng đồng kinh tế, chính trị, an ninh ASEAN cũng là thách thức cho đội ngũ nhân lực du lịch Việt Nam nói chung và Trà Sư nói riêng, nếu không nỗ lực để nâng cao tính chuyên nghiệp, kỹ năng, thái độ phục vụ... thì sẽ bị cạnh tranh mạnh mẽ. Hoạt động của du khách ảnh hưởng đến hệ sinh thái tự nhiên của rừng tràm. Du khách ngày càng đòi hỏi cao về chất lượng dịch vụ và sản phẩm du lịch. Ô nhiễm do rác thải, nước thải và khí thải trong hoạt động DLST là không tránh khỏi. Nguồn nước từ thượng nguồn giảm do lượng mưa giảm hay tác động của biến đổi khí hậu và các công trình thủy điện ở các quốc gia thượng nguồn. Chu kỳ sinh lý, sinh hóa của cây tràm là 6 tháng ngập nước và 6 tháng khô => mâu thuẫn với việc phải giữ mực nước ổn định phục vụ du lịch trong cả năm. Nhận thức của xã hội về phát triển bền vững thấp, mâu thuẫn giữa phát triển và lợi ích kinh

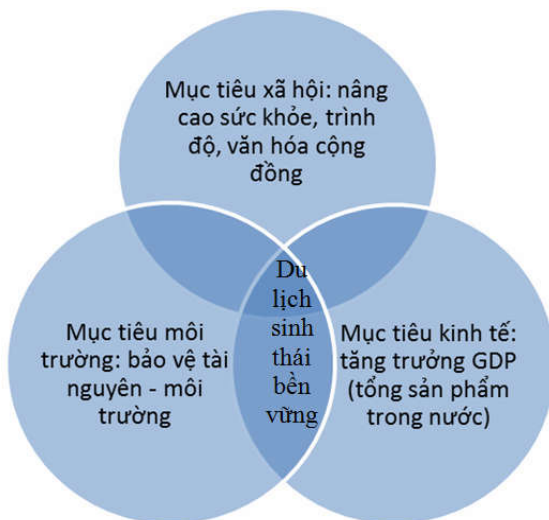
ngập nước Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

tế.

3.3.2. Các giải pháp phát triển DLST bền vững cho khu vực nghiên cứu

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường [6]. Việc phát triển DLST bền vững không những đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững mà còn giảm thiểu các tác động của khách du lịch đến văn hóa và môi trường, đảm bảo địa phương được hưởng nguồn lợi do du lịch mang lại và chú trọng đến những đóng góp tài chính để bảo tồn thiên nhiên [7].

Qua phân tích SWOT cũng như căn cứ vào các yếu tố tài nguyên môi trường, văn hóa bản địa, kết hợp với các mục tiêu phát triển ở hình 2, có thể đề xuất một số giải pháp xây dựng kế hoạch phát triển DLST bền vững tại KBVCQ rừng tràm Trà Sư.



Hình 2. Các mục tiêu phát triển DLST bền vững [7]

- Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương:

Hợp đồng với dân địa phương để việc mở rộng các loại hình dịch vụ du lịch; xây dựng thêm các công trình như nhà thuyết minh giới thiệu về rừng tràm, trung tâm cứu hộ động vật hoang dã...

Tạo ra việc làm tại chỗ từ du lịch như: sản xuất đặc sản từ cây thốt nốt, đào tạo hướng dẫn viên

xuất sản phẩm thủ công từ cây tràm (tinh dầu tràm từ lá tràm, các mặt hàng lưu niệm từ gỗ và vỏ tràm...); nguyên liệu từ gỗ tràm phải là từ những cây sinh trưởng kém và bị đổ ngã trong rừng.

Thu hút, kêu gọi thanh niên có trình độ học vấn tại địa phương tham gia làm hướng dẫn viên du lịch, ưu tiên những hộ nghèo, khó khăn thông qua tập huấn kỹ năng cho họ.

- Tăng cường công tác tiếp thị đáp ứng giải pháp quảng bá, xúc tiến du lịch:

Xây dựng trang mạng quảng bá về DLST rừng tràm đến với du khách, cụ thể trang mạng cần có tính thu hút và tương tác mạnh với du khách, thường xuyên cập nhật dữ liệu, có chức năng mua vé trực tuyến cho du khách... Quảng bá trang mạng thông qua Trung tâm Xúc tiến Du lịch tỉnh và liên kết với các trang mạng của các điểm du lịch nổi tiếng ở An Giang.

Tăng cường truyền thông bằng các phương tiện thông tin đại chúng, tạo điều kiện thuận lợi cho phóng viên, báo đài đến ghi hình, viết bài, đưa hình ảnh KBVCQ rừng tràm Trà Sư lên các trang báo điện tử, ti vi, kênh YouTube... Thực hiện các chương trình truyền thông, ghi hình để quảng bá hình ảnh về rừng tràm.

Hợp tác với các công ty du lịch, các điểm du lịch nổi tiếng khác trên địa bàn tỉnh An Giang để tiếp thị về hình ảnh rừng tràm Trà Sư. Đẩy mạnh liên kết các doanh nghiệp du lịch trong tỉnh An Giang, tại thành phố Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh để thu hút khách du lịch, đặc biệt là du khách quốc tế.

Ngoài ra, bản thân người dân địa phương và nhân viên tại Trà Sư cũng là một nguồn lực quảng bá hiệu quả. Để làm được điều này cần tăng cường nhận thức cho họ và có các chương trình tập huấn để mỗi người là một cách tiếp thị tốt nhất và giữ được niềm tin trong lòng du khách.

Lập dự án, kêu gọi nguồn vốn đầu tư từ Chính phủ, các doanh nghiệp, cá nhân để xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch:

Thiết kế thêm các loại hình dịch vụ du lịch nhưng vẫn đảm bảo các tiêu chí phát triển bền vững của DLST như cho khách du lịch trải nghiệm như một nông dân (tự bơi xuống vào rừng, câu cá giải trí, tự nấu các món ăn dân dã từ sản phẩm câu được... nhưng phải có kiểm soát của nhân viên); cho thuê xe đạp để khách du lịch tham quan rừng bằng đường bộ, hạn chế phương tiện xe máy làm tăng lượng khí thải và tác động đến các loài động vật trong rừng.

Cung cấp tài liệu các thông tin về rừng tràm cho du khách.

Kéo dài đoạn đường tham quan bằng đường thủy để du khách thỏa mãn hơn nhu cầu tham quan, giải trí tương xứng với số tiền họ bỏ ra.

Giờ phục vụ du lịch nên sớm hơn khung giờ hiện tại vì chim cò thường xuất hiện nhiều vào buổi sáng sớm.

Tăng thêm sự đa dạng của các món ăn, đặc biệt là các món đặc sản ở An Giang.

- Cải thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với DLST:

Xây dựng thêm nhà trưng bày giới thiệu, thuyết minh bằng các hình ảnh của những loài động - thực vật đặc trưng ở Trà Sư, đặc biệt là những loài quý hiếm cần được bảo vệ, có thông tin chi tiết về tập tính, chủng loại... để khách du lịch hiểu rõ hơn về sự đa dạng loài ở rừng tràm; các hình ảnh về phong tục tập quán của người dân tại địa phương, các hoạt động của người dân có ảnh hưởng tốt/xấu đến rừng tràm.

Có gian trưng bày và bán các sản phẩm mang tính đặc trưng địa phương: các sản phẩm từ cây tràm (tinh dầu tràm, tranh vỏ tràm...), các mặt hàng thủ công từ gỗ tràm (những sản phẩm mang tính lưu niệm như vòng đeo tay, móc khóa...), mật ong, các mặt hàng dệt thổ cẩm của đồng bào dân tộc Khmer, các sản phẩm từ trái thốt nốt; tránh những mặt hàng có kích thước lớn không phù hợp với du khách và để không khai thác quá mức nguồn tài nguyên gỗ từ rừng tràm.

Mở rộng diện tích chuồng để tạo sự thoải mái tốt nhất cho các loài động vật nuôi với thiết kế mang tính tự nhiên, tạo cảnh quan gần gũi với môi trường sống tự nhiên của chúng. Việc nuôi nhốt

động vật mang tính giáo dục môi trường và gắn với bảo tồn nhưng cần có thêm chức năng gây giống (có cá thể đực và cái), trước mỗi chuồng phải có mô tả về loài động vật trong chuồng.

Cải thiện đường đi nội bộ với vật liệu chống trơn trượt nhưng gần gũi tự nhiên và thân thiện môi trường.

Có biện pháp giảm độ ồn của ghe máy hoặc thay thế bằng phương tiện khác.

Nâng cấp thiết kế nhà hàng, nhà vệ sinh thêm sạch đẹp theo các tiêu chí: (i) sử dụng các cây đổ, ngã tự nhiên làm vật liệu xây dựng; (ii) xây dựng có tính đến hướng gió và hướng ánh nắng để tận dụng tối đa nguồn năng lượng tự nhiên cho chiếu sáng và làm mát; (iii) sử dụng tối đa các kỹ thuật xây dựng của địa phương, hình dạng kiến trúc - văn hóa, trang bị nội thất địa phương.

- Đào tạo nguồn nhân lực DLST đáp ứng phát triển du lịch:

Mời giáo viên tập huấn về các kỹ năng và nghiệp vụ du lịch cho tất cả nhân viên về các kỹ năng và kiến thức giao tiếp (các câu chào hỏi, mời khách xem thực đơn, xuống tàu du lịch, hẹn gặp lại...), kỹ năng xử lý tình huống các kiến thức về hệ sinh thái rừng.

Mở các lớp tập huấn ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ và nhân viên về chuyên môn, nghiệp vụ, những khó khăn và giải pháp khắc phục, xu hướng phát triển của ngành du lịch thông qua các chuyên gia du lịch trong và ngoài nước.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, nhân viên (những câu giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh thường hay sử dụng trong bối cảnh du lịch ở rừng tràm Trà Sư) để thuận lợi cho việc đón tiếp, phục vụ du khách quốc tế.

Tổ chức nhiều chuyến khảo sát thực tế cho cán bộ nhân viên đến các điểm du lịch điển hình trong nước để có cơ hội tiếp xúc, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm làm DLST.

- Kế hoạch điều tiết lượng khách du lịch trong năm để đáp ứng phát triển du lịch bền vững:

Cần xây dựng kế hoạch tiếp nhận và điều tiết lượng khách phù hợp với từng thời điểm: khoảng thời gian có mực nước trung bình (từ tháng 1 đến

tháng 4) và mực nước cao (tháng 9 đến tháng 12) cần đẩy mạnh các hoạt động du lịch; đặc biệt thời đoạn từ tháng 9 đến tháng 12 có mực nước cao do lũ tự nhiên, các loài động thực vật trong rừng phát triển mạnh, chim, cò về nhiều kiếm thức ăn và làm tổ, tạo nên cảnh quan đẹp nhất cho rừng tràm, có sức hút mạnh với khách du lịch. Từ tháng 5 đến tháng 8 có mực nước kém là thời gian nhạy cảm nhất của rừng tràm, dễ xảy ra hỏa hoạn cần hạn chế các hoạt động du lịch, chỉ ưu tiên cho nghiên cứu, học tập và công tác phòng, chống cháy rừng. Có thể chọn tháng 6 (thời điểm nước cạn nhất trong năm) ngưng phục vụ khách du lịch để thực hiện công tác bảo tồn, chăm sóc thảm thực vật, phục hồi sinh cảnh rừng tràm. Tăng giá vé vào các ngày lễ, tết để giảm lượng khách tham quan; áp dụng các chương trình ưu đãi ở các ngày trong tuần để tránh tình trạng khách du lịch chỉ tập trung vào một thời điểm.

Giữ mực nước cạn tự nhiên, kết hợp phát triển tuyến du lịch đường bộ thay vì đường thủy để đảm bảo phục hồi chu kỳ sinh lý, sinh hóa của rừng tràm.

Đẩy mạnh liên kết, tạo điều kiện thuận lợi cho các chuyên gia, sinh viên các trường đại học, các viện nghiên cứu đến học tập và nghiên cứu tại rừng tràm; học sinh trong tỉnh An Giang và các tỉnh lân cận ở ĐBSCL đến tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục môi trường.

Có thể thấy định hướng mục tiêu phát triển bền vững DLST của nghiên cứu này hoàn toàn phù hợp với các giải pháp phát triển bền vững các hoạt động DLST ở Vườn Quốc gia Ba Vì trên ba khía cạnh: bền vững về kinh tế, bền vững về môi trường và bền vững về xã hội [4]. Bên cạnh đó, các giải pháp đề xuất cũng có tính tương đồng với nghiên cứu của Lê Văn Hoài (2017) đề xuất thực hiện đồng bộ những giải pháp về cơ chế quản lý, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực du lịch, xây dựng nhiều sản phẩm du lịch đặc sắc, thúc đẩy quảng bá du lịch cho Khu Bảo tồn Thiên nhiên hồ Kẻ Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh [3]; và nghiên cứu của Trương Thu Hiền (2012) với các giải pháp về phân vùng không gian du lịch, quản lý, nâng cấp cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng, tăng cường hỗ trợ công tác bảo tồn, giáo dục môi

trường và hỗ trợ cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch và nâng cao trình độ chuyên môn của các bên tham gia cho khu vực Mầu Sơn, tỉnh Lạng Sơn [2]. Ngoài ra, với một số điều kiện đặc trưng của KBVCQ rừng tràm Trà Sư, nghiên cứu đã đề xuất những giải pháp chuyên biệt như khai thác tuyến du lịch phối hợp, điều tiết lượng khách phù hợp với đặc trưng thủy văn, đa dạng tuyến du lịch trong theo mùa, kết hợp với giáo dục về bảo vệ môi trường...

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

KBVCQ rừng tràm Trà Sư có tiềm năng phát triển DLST dựa trên lợi thế cảnh quan rừng tràm và các yếu tố đa dạng hệ động - thực vật của vùng đất ngập nước. Chiến lược phát triển DLST cho KBVCQ rừng tràm Trà Sư dựa trên cơ sở kết nối các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp du lịch và cộng đồng dân cư địa phương.

Cộng đồng cư dân địa phương mong muốn tham gia phát triển DLST tại KBVCQ rừng tràm Trà Sư theo hướng bền vững, đóng góp nguồn lực lao động, tạo ra sản phẩm du lịch truyền thống địa phương, tuy nhiên cần tăng cường tập huấn nâng cao nhận thức và hiểu biết của người dân về các hoạt động, mục tiêu phát triển DLST.

4.2. Kiến nghị

Cần có thiết kế, quy hoạch chi tiết KBVCQ rừng tràm Trà Sư nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ cảnh quan phù hợp với các loại hình DLST.

Tổ chức thực hiện các dự án bảo vệ đa dạng sinh học, duy trì cảnh quan KBVCQ rừng tràm Trà Sư phục vụ DLST; có chính sách thu hút liên kết đầu tư du lịch thông qua truyền thông.

Xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự từ cộng đồng dân cư, cộng tác với hộ gia đình phát triển DLST phù hợp với quy mô và chiến lược phát triển KT-XH địa phương.

Mở các lớp tập huấn kỹ năng, kiến thức chuyên môn, trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ và nhân viên thuận tiện cho việc đón tiếp, phục vụ du khách trong và ngoài nước đến tham quan, học tập nghiên cứu.

Có chính sách hỗ trợ từ KBVCQ rừng tràm Trà Sư để người dân hợp tác phát triển các dịch vụ

DLST. Mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cộng đồng địa phương trong hoạt động du lịch như hướng dẫn, giao tiếp, phục vụ... Đồng thời tạo ra việc làm tại chỗ từ du lịch như sản xuất đặc sản từ cây thốt nốt, các sản phẩm thủ công...

LỜI CẢM ƠN

Bài báo là một phần kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh “Nghiên cứu quản lý nước phục vụ phòng cháy chữa cháy rừng tràm Trà Sư, xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang” (mã số 373.2015.5). Nhóm tác giả chân thành cảm ơn Chi cục Kiểm lâm tỉnh An Giang đã hỗ trợ các công tác hiện trường của nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bành Thanh Hùng (2016). *Khu bảo tồn cảnh quan rừng tràm Trà Sư*. Truy cập từ www.kiemlamangiang.gov.vn/index.php?page=fro nt&tuychon=tintuc&matin=36.
2. Trương Thu Hiền (2012). *Nghiên cứu phát triển du lịch sinh thái tại khu vực Mầu Sơn, tỉnh Lạng Sơn*. Luận văn Thạc sĩ Du lịch học. Trường

Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Lê Văn Hoài (2017). Giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên hồ Kẽ Gõ, tỉnh Hà Tĩnh. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*. 126(5D) 205–218.

4. Bùi Thị Minh Nguyệt (2012). Giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Vườn Quốc gia Ba Vì. *Tạp chí Khoa học Công nghệ và Lâm nghiệp* 1: 148–160.

5. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (2015). *Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 18/6/2015 về việc miễn thị thực có thời hạn đối với công dân các nước Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha và Ý*.

6. Quốc hội (2017). *Luật Du lịch*. Luật số 09/2017/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2017.

7. Lê Huy Bá, Thái Lê Nguyên, Nguyễn Thị Thanh Nga, Lê Hằng, Thái Vũ Bình, Võ Đình Long (2009). *Du lịch sinh thái*. Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

ANALYSIS OF LOCAL SOCIO-ECONOMIC STATUS TO SUPPORT ECO-TOURISM SUSTAINABLE DEVELOPMENT AT TRA SU MELALEUCA FOREST, AN GIANG PROVINCE

Nguyen Vo Chau Ngan, Le Van Du, Kim Lavane

Summary

The study aimed to sustainable development for eco-tourism in Tra Su melaleuca landscape protection area, An Giang province. To get an overview of the local socio-economic status, the research team interviewed 60 households, representatives of Tra Su melaleuca forest management Board and 08 tourism travel companies. The surveyed information is analyzed using the SWOT tool to develop a master plan to expand and sustainable development of eco-tourism that based on native environmental and cultural resources. The results show that Tra Su melaleuca forest has the potential to develop eco-tourism based on the advantages of melaleuca forest habitat and diverse flora and fauna of the wetland, that contributing to the socio-economic development of the area. The indigenous communities are willing to participate into the tourism service activities through contributing labor resources, creating local traditional tourism products, but it is needed to train them to raise their awareness and understanding about eco-tourism development activities and goals. From the results of the SWOT analysis, based on the factors of environmental, cultural, and social resources of the area, the study has proposed a number of solutions for sustainable development of eco-tourism in Tra Su melaleuca forest.

Keywords: *Eco-tourism, Tra Su Melaleuca landscape protection area, sustainable development.*

Người phản biện: PGS.TS. Đào Minh Trung

Ngày nhận bài: 30/01/2023

Ngày thông qua phản biện: 20/02/2023

Ngày duyệt đăng: 27/02/2023